

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
SEN VÀNG**



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	04 - 05
3. BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	06 - 19
4. THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	20 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng.

1. Thông tin chung về công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số: 74/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007. Các thay đổi về người đại diện theo pháp luật của Công ty và cổ đông sáng lập đã được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh số 243/UBCK-GP ngày 17 tháng 6 năm 2009, số 285/UBCK-GP ngày 07 tháng 12 năm 2009, số 26/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 5 năm 2015, số 22/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 7 năm 2016, số 16/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 3 năm 2019, số 17/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 4 năm 2020, số 56/GPĐC-UBCK ngày 01 tháng 9 năm 2020, số 126/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2021, số 60/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 8 năm 2024 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305385509 lần đầu ngày 21/12/2007 và thay đổi lần thứ 12 ngày 05/7/2024.

Vốn điều lệ theo giấy phép thành lập: 135.000.000.000 VND.

Vốn pháp định đến ngày 30/6/2024: 35.000.000.000 VND.

Tên tiếng anh: GOLDEN LOTUS SECURITIES CORPORATION.

Tên viết tắt: GLS.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty

Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính: Lầu 3-4, số 164 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP.HCM.

2. Tình hình tỷ lệ an toàn tài chính

Tình hình tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được trình bày trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm.

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Huy Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15/4/2024)
Ông Cao Tấn Thành	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15/4/2024)
Bà Thái Kiều Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/4/2024)
Ông Nguyễn Đức Toàn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/4/2024)
Ông Hồ Ngọc Bạch	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/4/2024)
Ông Phạm Văn Tuất	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/4/2024)
Ông Chu Tuấn An	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/4/2024)
Ông Nguyễn Vũ Nghi	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/4/2024)

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Vũ Tùng	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 15/4/2024)
Bà Đỗ Thị Lan	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/4/2024)
Ông Đỗ Viết Tập	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/4/2024)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/4/2024)
Bà Ngô Thị Song Ngân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/4/2024)
Bà Nguyễn Diệu Trang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/4/2024)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Hồ Ngọc Bạch	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24/7/2024)
Ông Trần Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31/7/2024) Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/4/2024 - miễn nhiệm ngày 24/7/2024)
Ông Chu Tuấn An	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/4/2024)
Ông Nguyễn Vũ	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31/5/2024)
Ông Lê Thanh Tùng	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 23/5/2024)
Ông Trần Đức Nam	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 16/4/2024)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo như sau:

Ông Lê Huy Dũng	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 02/8/2024 đến nay)
Ông Chu Tuấn An	Tổng Giám đốc (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 01/8/2024)

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("Moore AISC") được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng.

5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024. Trong việc soạn lập Báo cáo này, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 được lập căn cứ trên số liệu các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với quy định của Bộ Tài Chính. Hội đồng quản trị và Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Điều hành



Lê Huy Dũng

Chủ tịch HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Số: A0524176-AT-6T/MOORE AISC-DN5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG****Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 kèm theo (sau đây gọi tắt là "Báo cáo") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng ("Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024, từ trang 5 đến trang 22 kèm theo, bao gồm Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo của Công ty phù hợp với quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính và cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số II. Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



MOORE AISC

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 của **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng** đã được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về "Chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính".

Cơ sở lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và giới hạn sử dụng báo cáo

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II của Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính mô tả về cơ sở lập và mục đích sử dụng. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập chỉ nhằm tuân thủ quy định về quản lý an toàn tài chính và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Do đó, báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo không nhằm phục vụ cho mục đích sử dụng nào khác.

Tp. HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Đỗ Thị Hằng

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4226-2023-005-1

Đoàn Nguyễn Minh Tâm

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4277-2023-005-1

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng

V/v : Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

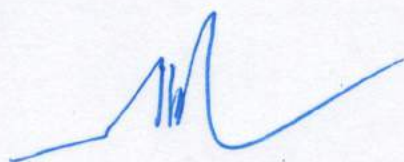
BÁO CÁO

Tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm: 30/6/2024

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

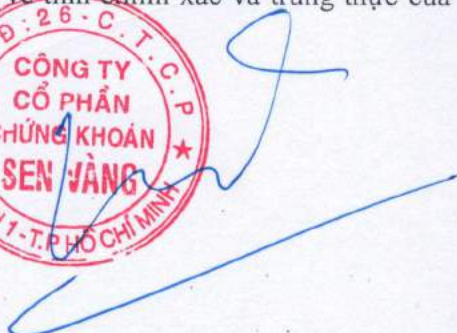
- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Phương Mai
Bộ phận Kiểm soát nội bộ



Lê Huy Dũng
Chủ tịch HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Stt	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Vốn chủ sở hữu	65.930.483.856	-	-
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	135.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ	-		
8	Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	(71.069.516.144)		
11	Số dự phòng suy giảm giá trị tài sản	2.000.000.000		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-		
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính	-		
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng			65.930.483.856

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Stt	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính		-	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
2	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
3	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
4	Các khoản cho vay			
	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
5	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
7	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
10	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
11	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
12	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Stt	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
	Các khoản phải thu khác			
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
13	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
II	Tài sản ngắn hạn khác		6.669.429.081	
	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
1	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		24.909.091	
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		80.559.259	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		40.000.000	
5	Thuế GTGT được khấu trừ		170.655.557	
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	
7	Tài sản ngắn hạn khác		6.353.305.174	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác		-	
1B	Tổng			6.669.429.081

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Stt	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2	Các khoản đầu tư		-	
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường		-	
2.1	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	
2.4	Đầu tư dài hạn khác		-	
II	Tài sản cố định		3.934.697.955	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	
V	Tài sản dài hạn khác			
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		-	
2	Chi phí trả trước dài hạn		509.293.573	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		-	
5	Tài sản dài hạn khác		-	
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
1C	Tổng			4.443.991.528

D Các khoản ký quỹ, đảm bảo

1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
1D	Tổng			-

VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D

54.817.063.247

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			4.481.371.233	-
1	Tiền (VND)	0	471.519.178	-
2	Các khoản tương đương tiền	0	4.009.852.055	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ			-	-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định:			
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương	3	-	-
III. Trái phiếu Tổ chức tín dụng			-	-
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
IV. Trái phiếu Doanh nghiệp			-	-
7	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết			
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
8	Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết			
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-
V. Cổ phiếu			27.683.400	2.768.340
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh; Chứng chỉ quỹ mở	10	27.683.400	2.768.340
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	-	-
12	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
13	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
Các hạng mục đầu tư		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
VI. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-	-
14	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	-	-
15	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
VII. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			392.000	288.400
16	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30	-	-
17	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20	42.000	8.400
18	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25	-	-
19	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40	-	-
20	Chứng khoán bị huỷ niêm yết, huỷ giao dịch	80	350.000	280.000
VIII. Chứng khoán phái sinh			-	-
21	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8	-	-
22	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3	-	-
IX. Chứng khoán khác			1.000.000.000	1.000.000.000
23	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25	-	-
24	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100	-	-
25	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-	-
26	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10	-	-
27	Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần.	100	1.000.000.000	1.000.000.000
28	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-	-
29	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
30	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)		-	-
31	Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm		-	-
X. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)			-	-
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
(A) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A = I + II+ III+IV+ V+VI+VII+VIII+IX+X)			5.509.446.633	1.003.056.740

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

SAO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

RỦI RO THANH TOÁN

Giá trị rủi ro
3.342.736.657
1.000.000.000
23.360.000
930.604.931
5.296.701.588

Rủi ro trước thời hạn thanh toán (thuyết minh I)

Rủi ro quá thời hạn thanh toán (thuyết minh II)

Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác (thuyết minh III)

Rủi ro tăng thêm (thuyết minh IV)

Tổng giá trị rủi ro thanh toán

Rủi ro trước thời hạn thanh toán

HỆ SỐ RỦI RO (%)		Giá trị rủi ro							Tổng giá trị rủi ro
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		
Loại hình giao dịch									
1	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác					3.342.736.657			3.342.736.657
2	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất								-
3	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất								-
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất								-
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất								-
	Cộng								3.342.736.657

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

ÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

ti ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro quá thời hạn thanh toán		Thời gian quá hạn		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	0 -15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán			16%		
2	16 -30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán			32%		
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán			48%		
4	Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán			100%	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng						1.000.000.000
Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác		Thời gian quá hạn		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 10 Thông tư 91/2020/TT-BTC; Các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC) (Chỉ tiết từng đối tượng). Khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày (Chỉ tiết từng đối tượng).			100%		
2	Khoản tạm ứng chiếm từ 0% đến 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày			8%	292.000.000	23.360.000
Cộng						23.360.000
Rủi ro tăng thêm				Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
STT	Chi tiết tới từng đối tác			30%	3.102.016.438	930.604.931
2	Tiền gửi có kỳ hạn tại SHB				3.102.016.438	930.604.931
Cộng						
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)						5.296.701.588

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG
ÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ghi chú:

- (1) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (2) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- (3) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- (4) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty;
- (5) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- (6) Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức cá nhân khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)		Giá trị
I.	Tổng Chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 6 năm 2024	8.511.798.808
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	2.502.899.218
	1. Chi phí khấu hao	(1.058.341.354)
	2. Chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-
	3. Chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
	4. Chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	3.708.027.397
	5. Chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-
	6. Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(2.786.825)
	7. Chi phí lãi vay	(144.000.000)
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	11.014.698.026
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	2.753.674.507
V.	20% Vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật	7.000.000.000
(C) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max{IV,V})		7.000.000.000
(D) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		13.299.758.328

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Stt	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	1.003.056.740	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	5.296.701.588	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	7.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4= 1+2+3)	13.299.758.328	
5	Vốn khả dụng	54.817.063.247	
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	412,17%	

Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Hoàng Thị Phương Mai
Bộ phận Kiểm soát nội bộ



Lê Huy Dũng
Chủ tịch HĐQT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số: 74/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007. Các thay đổi về người đại diện theo pháp luật của Công ty và cổ đông sáng lập đã được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh số 243/UBCK-GP ngày 17 tháng 6 năm 2009, số 285/UBCK-GP ngày 07 tháng 12 năm 2009, số 26/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 5 năm 2015, số 22/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 7 năm 2016, số 16/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 3 năm 2019, số 17/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 4 năm 2020, số 56/GPĐC-UBCK ngày 01 tháng 9 năm 2020, số 126/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2021, số 60/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 8 năm 2024 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305385509 lần đầu ngày 21/12/2007 và thay đổi lần thứ 12 ngày 05/7/2024.

Vốn điều lệ theo giấy phép thành lập: 135.000.000.000 VND.

Vốn pháp định đến ngày 30/6/2024: 35.000.000.000 VND.

Tên tiếng anh: GOLDEN LOTUS SECURITIES CORPORATION.

Tên viết tắt: GLS.

Trụ sở chính: Lầu 3-4, số 164 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

3. Ngành nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

4. Quy mô vốn CTCK: Vốn pháp định đến ngày 30/6/2024 là 35.000.000.000 VND.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có

6. Tổng số nhân viên đến ngày 30/6/2024: 19 người (tại ngày 31/12/2023: 16 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

1. Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (sau đây gọi tắt là "Báo cáo") của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo.

2. Mục đích lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán và trình bày trong Báo cáo.

III. THUYẾT MINH VỀ PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

1. Tỷ lệ vốn khả dụng

1.1. Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

1.2. Vốn khả dụng

Theo quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC, Vốn khả dụng của Công ty được xác định bằng tổng vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng 90 ngày, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối bao gồm cả lợi nhuận chưa thực hiện.

1.3. Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi và được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Vị thế ròng} \times \text{Giá tài sản} \times \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm lập báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường gồm:

- Cổ phiếu quỹ
- Chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty
 - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại, trên chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tính toán.
- Trái phiếu, công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.

Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 25% trở lên vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có), hoặc lãi của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

1.4. Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

Trong trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán, toàn bộ khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng phải được giảm trừ khỏi vốn khả dụng.

Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% vốn chủ sở hữu trở lên.

1.5. Giá trị rủi ro hoạt động

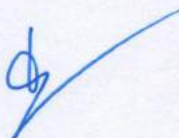
Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định theo giá trị lớn hơn khi so sánh giữa hai tiêu chí: Tiêu chí một: 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng 12 tháng liền kề tính tới tháng gần nhất; tiêu chí hai: 20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi: chi phí khấu hao; dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn; dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn, dự phòng phải thu khó đòi.



Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Phương Mai
Bộ phận Kiểm soát nội bộ



Lê Huy Dũng
Chủ tịch HĐQT